

Số: 234 /QĐ-TTH

Tân Phú, ngày 11 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành và điều chỉnh Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh
Năm học 2023-2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN THỜI HÒA

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và điều chỉnh Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh Trường Trung học cơ sở Tân thời Hòa năm học 2023 – 2024.

Điều 2. Bộ phận chuyên môn có kế hoạch, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh của giáo viên trong nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (Báo cáo);
- Tổ chuyên môn;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hoàng

QUY CHẾ

Kiểm tra đánh giá học sinh năm học 2023-2024

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ-TTH ngày 11 tháng 9 năm 2023
của hiệu trưởng Trường THCS Tân Thới Hòa)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định về đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở bao gồm: Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm; đánh giá, xếp loại học lực; sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại; trách nhiệm của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục

2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh của Trường Trung học cơ sở Tân Thới Hòa.

Điều 2. Mục đích, căn cứ và nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá chất lượng giáo dục đối với học sinh sau mỗi học kỳ, mỗi năm học nhằm thúc đẩy học sinh rèn luyện, học tập.

2. Căn cứ đánh giá, xếp loại của học sinh được dựa trên cơ sở sau:

- a) Mục tiêu giáo dục của cấp học;
- b) Chương trình, kế hoạch giáo dục của cấp học;
- c) Điều lệ nhà trường;
- d) Kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

3. Bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng, công khai, đúng chất lượng trong đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, học lực học sinh.

Chương II

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

Điều 3. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm

1. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm:

a) Đánh giá hạnh kiểm của học sinh căn cứ vào biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức; ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, cán bộ, công nhân viên, với gia đình, bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và của xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

b) Dựa trên thang điểm 100 về Đánh giá xếp loại hạnh kiểm của học sinh nhà trường.

2. Xếp loại hạnh kiểm:

Hạnh kiểm được xếp thành 4 loại: Tốt: 80-100 điểm, Khá: 65- dưới 80 điểm, Trung bình (Đạt): 50-dưới 65 điểm, Yếu (Chưa đạt): dưới 50 điểm sau mỗi học kỳ và cả năm học. Việc xếp loại hạnh kiểm cả năm học chủ yếu căn cứ vào xếp loại hạnh kiểm học kỳ II và sự tiến bộ của học sinh.

Điều 4. Tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm

1. Loại tốt: (80-100 điểm)

a) Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; tích cực tham gia đấu tranh với các hành động tiêu cực, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội;

b) Luôn kính trọng thầy giáo, cô giáo, người lớn tuổi; thương yêu và giúp đỡ bạn bè; có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết, được các bạn tin yêu;

c) Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn; chăm lo giúp đỡ gia đình;

d) Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, có ý thức vươn lên; trung thực trong cuộc sống, trong học tập;

đ) Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

e) Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, các hoạt động do nhà trường tổ chức; tích cực tham gia các hoạt động của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

g) Có thái độ và hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn Giáo dục công dân.

2. Loại khá (65- dưới 80 điểm):

Thực hiện được những quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng chưa đạt đến mức độ của loại tốt; còn có thiếu sót nhưng kịp thời sửa chữa sau khi thầy giáo, cô giáo và các bạn góp ý.

3. Loại trung bình – Đạt (50-dưới 65 điểm):

Có một số khuyết điểm trong việc thực hiện các quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng mức độ chưa nghiêm trọng; sau khi được nhắc nhở, giáo dục đã tiếp thu, sửa chữa nhưng tiến bộ còn chậm.

4. Loại yếu – Chưa đạt (dưới 50 điểm):

Chưa đạt tiêu chuẩn xếp loại trung bình hoặc có một trong các khuyết điểm sau đây:

a) Có sai phạm với tính chất nghiêm trọng hoặc lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, được giáo dục nhưng chưa sửa chữa;

b) Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn hoặc của người khác;

- c) Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi;
- d) Đánh nhau, gây rối trật tự, trị an trong nhà trường hoặc ngoài xã hội; vi phạm an toàn giao thông; gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC LỰC

Điều 5. Căn cứ đánh giá, xếp loại học lực

1. Căn cứ đánh giá, xếp loại học lực:

a) Mức độ hoàn thành chương trình các môn học và hoạt động giáo dục trong Kế hoạch giáo dục cấp THCS;

b) Kết quả đạt được của các bài kiểm tra.

2. Học lực được xếp thành các loại:

Đối với học sinh khối 9: Giỏi (G), Khá (K), Trung bình (Tb), Yếu (Y), Kém;

Đối với học sinh lớp 6, 7, 8: mức Tốt (T), Khá (K), Đạt (Đ) và Chưa đạt (CĐ).

Điều 6. Hình thức đánh giá và kết quả các môn học sau một học kỳ, cả năm học

Thực hiện theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT đối với lớp 9

Thực hiện theo Thông tư 22/2022/TT- BGDDĐT đối với 6, 7, 8

1. Hình thức đánh giá:

a) Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập (sau đây gọi là đánh giá bằng nhận xét) đối với các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục – GDTC, Nghệ thuật, Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả các bài kiểm tra theo hai mức:

- Đạt yêu cầu (Đ): Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:
 - + Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;
 - + Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

b) Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại:

- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh trong quá trình học tập môn học, hoạt

động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đánh giá bằng điểm số kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả đánh giá theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10.

2. Kết quả môn học và kết quả các môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học:

a) Đối với các môn học kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số: nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả học tập môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học; tính điểm trung bình môn học và tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học.

b) Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét: nhận xét môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học theo hai loại: Đạt yêu cầu (Đ) và Chưa đạt yêu cầu (CĐ); nhận xét về năng khiếu (nếu có).

Điều 7. Các loại kiểm tra, đánh giá; hệ số điểm kiểm tra, đánh giá

1. Các loại kiểm tra, đánh giá

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập;

- Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên quy định tại Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông .

b) Kiểm tra, đánh giá định kì:

- Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút, đối với môn chuyên tối đa 120 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên *ma trận, đặc tả của đề*, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có *hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện*.

2. Hệ số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì

a) Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (viết tắt là ĐĐG_{tx}): tính hệ số 1;

b) Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì (viết tắt là ĐĐG_{gk}): tính hệ số 2;

c) Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì (viết tắt là ĐĐG_{ck}): tính hệ số 3."

Điều 8. Số điểm kiểm tra, đánh giá và cách cho điểm

1. Trong mỗi học kì, số ĐĐG_{tx}, ĐĐG_{gk} và ĐĐG_{ck} của một học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả chủ đề tự chọn) như sau:

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐG_{tx};

- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐG_{tx};

- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐG_{tx}.

- **Đối với khối 6-7-8:** môn học đánh giá bằng nhận xét: mỗi học kì chọn 02 lần.

b) Kiểm tra, đánh giá định kì:

- Trong mỗi học kì, một môn học có 01 ĐĐG_{gk} và 01 ĐĐG_{ck};

+ ĐĐG_{gk}: Học kỳ 1: Thực hiện sau tuần 8 đến tuần 10.

Học kỳ 2: Thực hiện sau tuần 7 đến tuần 9.

+ ĐĐG_{ck}: Thực hiện theo kế hoạch theo kế hoạch chung của PGDĐT

2. Điểm các bài kiểm tra, đánh giá: là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

3. Những học sinh không đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này: nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu, với hình thức, mức độ kiến thức, kĩ năng và thời gian tương đương. Việc kiểm tra, đánh giá bù được hoàn thành trong từng học kì hoặc cuối năm học.

4. Trường hợp học sinh không có đủ số điểm kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này: mà không có lí do chính đáng hoặc có lí do chính đáng nhưng không tham gia kiểm tra, đánh giá bù sẽ nhận điểm 0 (không) của bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

5. *Tổ/ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh:* phải phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

Về các loại bài kiểm tra trong năm học của các môn học: cần có kế hoạch thực hiện vừa đủ số bài kiểm tra theo quy định của từng môn. Không kiểm tra liên tục, thường xuyên và không tăng số lượng bài kiểm tra quá mức quy định để tránh gây áp lực học tập căng thẳng lên học sinh. Nội dung và mức độ, độ dài của bài kiểm tra cần phù hợp với chương trình học và trình độ học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; có sự thống nhất nội dung, hình thức và thời gian kiểm tra giữa các thành viên trong tổ, nhóm.

6. *Qui định về bài kiểm tra định kì:* tổ /nhóm chuyên môn và giáo viên cần xây dựng 4 mức độ yêu cầu (*nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao*) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học; xây dựng nội dung đề kiểm tra bao quát, thực tiễn tiếp cận đánh giá năng lực học sinh. tăng dần các dạng câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

7. *Kết hợp một cách hợp lí giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành:* tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

8. *Qui trình soạn bài kiểm tra định kỳ:*

- Lịch kiểm tra định kỳ phải được thể hiện trong kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn từ đầu năm học;

- Bài kiểm tra tập trung được bàn thảo, thống nhất nội dung trọng tâm trước ít nhất 1 tuần;

- Giáo viên biên soạn đề cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- + Đảm bảo nội dung đề đúng theo nội dung đã thống nhất trong tổ/ nhóm bộ môn

- + Đảm bảo tính bảo mật của đề.

- + Đảm bảo tính khách quan, công bằng cho học sinh các lớp

- + Đề kiểm tra được trình bày rõ ràng, không sai lỗi chính tả, phù hợp với đặc trưng bộ môn, có phần phách, có phần đánh số thứ tự... đảm bảo đúng thể thức văn bản theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 về công tác văn thư.

- + Thời gian nộp cho phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn trước 01 tuần kiểm tra (Gửi email và nộp văn bản).

- Phó hiệu trưởng có thể trao đổi với tổ trưởng hoặc nhóm trưởng (nếu cần) để chọn đề kiểm tra đánh giá định kì;

- Giáo viên không được dùng nội dung đề “đề nghị” để ôn tập cho học sinh trên lớp chính khóa, ngoại khóa, dạy thêm.

- Đề kiểm tra phải ghi rõ số điểm của mỗi câu hỏi; đề kiểm tra phải có chữ "HẾT" tại điểm kết thúc đề và phải ghi rõ có mấy trang (đối với đề thi có từ 02 trang trở lên). *(Trích điều 15 Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thi THPT và xét TN THPT)*

- Kiểm tra, đánh giá trong dạy học trực tuyến:

+ Học sinh học trực tuyến trong thời gian giãn cách xã hội, giáo viên kiểm tra đánh giá học sinh trong quá trình học trực tuyến kết hợp với điểm số của bài kiểm tra;

+ Điểm kiểm tra là tổng hợp của điểm chuyên cần, điểm tham gia trong quá trình học và điểm thực tế của bài làm kiểm tra;

+ Học sinh có thể làm kiểm tra theo các hình thức trắc nghiệm hay tự luận (đối với bài làm tự luận, học sinh có thể chụp lại bài làm và gửi trên mạng theo địa chỉ do giáo viên qui định).

9. Coi kiểm tra định kì:

Xử lý các sự cố bất thường; Tiếp nhận và xử lý thông tin, bằng chứng về vi phạm quy chế thi/ kiểm tra; Xử lý Cán bộ tham gia tổ chức thi/ kiểm tra và cá nhân liên quan khác vi phạm quy chế thi/ kiểm tra; Xử lý thí sinh vi phạm quy chế thi/ kiểm tra: căn cứ Điều 46, 47, 48, 49 Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thi THPT và xét TN THPT.

10. Chấm, trả bài kiểm tra định kì:

Căn cứ Điều 25 Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thi THPT và xét TN THPT

+ Khi chấm các bài kiểm tra đánh giá học sinh: Giáo viên phải chấm cẩn thận, đúng đáp án, ghi rõ điểm từng câu, từng phần vào bài làm của học sinh; giáo viên cần sửa chữa sai sót cho học sinh, ghi nhận xét đầy đủ, đánh giá bài làm của học sinh, giúp học sinh rút kinh nghiệm trong lần kiểm tra tiếp theo.

+ Việc chấm, trả bài cho học sinh phải đúng thời gian qui định:

* Bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và giữa kỳ: trả bài chậm nhất sau 1 tuần kể từ ngày kiểm tra;

* Bài kiểm tra đánh giá cuối kì: Thực hiện theo lịch công tác của nhà trường.

11. *Phúc khảo bài kiểm tra định kì:* căn cứ Điều 30 Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thi THPT và xét TN THPT

12. *Quản lý điểm bài kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì:*

Các bài kiểm tra sẽ do học sinh lưu giữ, riêng đối với bài kiểm tra đánh giá cuối kì: giáo viên phải nộp cho văn phòng lưu trữ theo qui định.

13. *Ghi điểm kiểm tra:*

Điểm kiểm tra thường xuyên và định kì phải được giáo viên nhập vào phần mềm nhập điểm theo thời gian qui định của ban lãnh đạo nhà trường.

Việc ráp phách bài kiểm tra học kỳ do các thành viên của tổ nhóm chuyên môn phụ trách. Giáo viên tuyệt đối không được điều động học sinh tham gia ráp phách bài thi. Không chỉnh sửa điểm sau khi ráp phách nếu không có chỉ đạo của BGH nhà trường.

- Giáo viên nhập điểm thi của học sinh trực tiếp từ bài kiểm tra vào sổ điểm cá nhân và thực hiện bước kiểm dò khi có bảng điểm. Việc nhập điểm bài thi vào hệ thống điểm của nhà trường yêu cầu phải đảm bảo chính xác và đúng tiến độ theo qui định của lãnh đạo nhà trường.

- Chỉ có giáo viên bộ môn của lớp được thông báo điểm thi cho học sinh khi đến lớp. Các trường hợp thông báo điểm thi đến học sinh và cha mẹ học sinh trước đó bị xem là vi phạm qui chế chuyên môn;

- Học sinh thắc mắc về điểm thi thì làm đơn xin chấm phúc khảo. Kết quả được thông báo đến học sinh trong thời gian sớm nhất;

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng sẽ phân công tổ trưởng và các thành viên khác chấm thẩm định bài làm của học sinh khi cần thiết.

Điều 9. Kiểm tra, cho điểm các môn học tự chọn và chủ đề tự chọn thuộc các môn học

1. *Môn học tự chọn:*

Việc kiểm tra, đánh giá, tính điểm trung bình môn học và tham gia tính điểm trung bình các môn học thực hiện như các môn học khác.

2. *Chủ đề tự chọn thuộc các môn học:*

Các loại chủ đề tự chọn của môn học nào thì kiểm tra, đánh giá, và tham gia tính điểm trung bình môn học đó.

Điều 10. Kết quả môn học của mỗi học kỳ, cả năm học

1. *Đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm:*

a) Điểm trung bình môn học kì (viết tắt là $ĐTB_{mhk}$) là trung bình cộng của điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì và điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì với các hệ số quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư

26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

b) Điểm trung bình môn cả năm (ĐTB_{mcn}) là trung bình cộng của ĐTB_{mhkI} với $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$, trong đó $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$ tính hệ số 2:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

c) ĐTB_{mhk} và ĐTB_{mcn} là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

2. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét:

a) Xếp loại học kỳ:

Học sinh khối 9:

- Đạt yêu cầu (Đ): Có đủ số điểm kiểm tra theo quy định và 2/3 số bài kiểm tra trở lên được đánh giá mức Đ, trong đó có bài kiểm tra học kỳ.

- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

Học sinh khối 6-7-8:

+ Mức Đạt: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

b) Xếp loại cả năm:

+ Mức Đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.

c) Những học sinh có năng khiếu được giáo viên bộ môn ghi thêm nhận xét vào học bạ.

3. Đối với các môn chỉ dạy trong một học kỳ thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đó làm kết quả đánh giá, xếp loại cả năm học.

Điều 11. Điểm trung bình các môn học kỳ, cả năm học đối với học sinh khối 9.

1. Điểm trung bình các môn học kỳ (ĐTB_{hk}) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kỳ của các môn học đánh giá bằng điểm số.

2. Điểm trung bình các môn cả năm học ($\overline{DTB}_{cn}$) là trung bình cộng của điểm trung bình cả năm của các môn học đánh giá bằng cho điểm.

3. Điểm trung bình các môn học kỳ hoặc cả năm học là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

Điều 12. Các trường hợp được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật

1. Học sinh được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật trong chương trình giáo dục nếu gặp khó khăn trong học tập môn học nào đó do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị.

2. Hồ sơ xin miễn học gồm có: đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp.

3. Việc cho phép miễn học đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học.

4. Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học môn Thể dục, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật trong một học kỳ hoặc cả năm học. Nếu được miễn học cả năm học thì môn học này không tham gia đánh giá, xếp loại học lực của học kỳ và cả năm học; nếu chỉ được miễn học một học kỳ thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đã học để đánh giá, xếp loại cả năm học.

Các trường hợp học sinh được miễn học phần thực hành sẽ được kiểm tra bù bằng lý thuyết để có đủ cơ sở điểm theo quy định.

Điều 13. Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại cả năm học

Đối với học sinh khối 9

1. Loại giỏi, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Điểm trung bình các môn học từ 8,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ từ 8,0 trở lên;
- b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6,5;
- c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

2. Loại khá, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Điểm trung bình các môn học từ 6,5 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ từ 6,5 trở lên;
- b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5,0;
- c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

3. Loại trung bình, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Điểm trung bình các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh từ 5,0 trở lên;
- b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3,5;

c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

4. Loại yếu:

Điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0.

5. Loại kém: Các trường hợp còn lại.

6. Nếu $\overline{DTB}_{hk}$ hoặc $\overline{DTB}_{cn}$ đạt mức của từng loại quy định tại các Khoản 1, 2 điều này nhưng do kết quả của một môn học nào đó thấp hơn mức quy định cho loại đó nên học lực bị xếp thấp xuống thì được điều chỉnh như sau:

a) Nếu $\overline{DTB}_{hk}$ hoặc $\overline{DTB}_{cn}$ đạt mức loại G nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Tb thì được điều chỉnh xếp loại K.

b) Nếu $\overline{DTB}_{hk}$ hoặc $\overline{DTB}_{cn}$ đạt mức loại G nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.

c) Nếu $\overline{DTB}_{hk}$ hoặc $\overline{DTB}_{cn}$ đạt mức loại K nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.

d) Nếu $\overline{DTB}_{hk}$ hoặc $\overline{DTB}_{cn}$ đạt mức loại K nhưng do kết quả của duy nhất một môn học nào đó mà phải xuống loại Kém thì được điều chỉnh xếp loại Y.

Đối với học sinh khối 6-7-8

a) Mức Tốt:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ từ 6,5 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ đạt từ 8,0 điểm trở lên.

b) Mức Khá:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ từ 5,0 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ đạt từ 6,5 điểm trở lên.

c) Mức Đạt:

- Có nhiều nhất 01 (một) môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa đạt.

- Có ít nhất 06 (sáu) môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ từ 5,0 điểm trở lên; không có môn học nào có $\overline{DTB}_{mhk}$, $\overline{DTB}_{mcn}$ dưới 3,5 điểm.

d) Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

Điều 14. Đánh giá học sinh khuyết tật

1. Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

3. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân."

Chương IV

SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 15. Lên lớp hoặc không được lên lớp

1. Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp:

- a) Hạnh kiểm và học lực từ trung bình trở lên;
- b) Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).

2. Học sinh thuộc một trong các trường hợp dưới đây thì không được lên lớp:

- a) Nghỉ quá 45 buổi học trong năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại);
- b) Học lực cả năm loại Kém hoặc học lực và hạnh kiểm cả năm loại yếu;
- c) Sau khi đã được kiểm tra lại một số môn học, môn đánh giá bằng điểm có điểm trung bình dưới 5,0 hay môn đánh giá bằng nhận xét bị xếp loại CĐ, để xếp loại lại học lực cả năm nhưng vẫn không đạt loại trung bình.
- d) Hạnh kiểm cả năm xếp loại yếu, nhưng không hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè nên vẫn bị xếp loại yếu về hạnh kiểm.

3. Xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật

Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của học sinh khuyết tật để xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp."

Điều 16. Kiểm tra lại các môn học

Học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì phải rèn luyện trong kỳ nghỉ hè, hình thức rèn luyện do hiệu trưởng quy định. Căn cứ vào hình thức rèn luyện trong kỳ nghỉ hè, Giáo viên chủ nhiệm giao nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè cho học sinh và thông báo đến cha mẹ học sinh. Cuối kỳ nghỉ hè, nếu nhiệm vụ rèn luyện được giáo viên chủ nhiệm đánh giá đã hoàn thành (có báo cáo về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ rèn luyện có chữ ký xác nhận của cha mẹ học sinh) thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị hiệu trưởng cho đánh giá kết quả đánh giá lại kết quả rèn luyện cả năm học của học sinh.

Đối với những học sinh chưa đủ điều kiện được lên lớp nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá từ mức Đạt trở lên, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại kết quả học tập các môn học được đánh giá mức Chưa đạt (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét) và các môn học có ĐTBmôn dưới 5.0 (điểm đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số).

Học sinh xếp loại hạnh kiểm cả năm học từ trung bình trở lên nhưng học lực cả năm học xếp loại yếu, được chọn một số môn học trong các môn học có điểm trung bình cả năm học dưới 5,0 hoặc có kết quả xếp loại CĐ để kiểm tra lại. Kết quả kiểm tra lại được lấy thay thế cho kết quả xếp loại cả năm học của môn học đó để tính lại điểm trung bình các môn cả năm học và xếp loại lại về học lực; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

Điều 17. Rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè

Học sinh xếp loại học lực cả năm từ trung bình trở lên nhưng hạnh kiểm cả năm học xếp loại yếu thì phải rèn luyện thêm hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, hình thức rèn luyện do hiệu trưởng quy định. Nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè được thông báo đến gia đình, chính quyền, đoàn thể xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) nơi học sinh cư trú. Cuối kỳ nghỉ hè, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị hiệu trưởng cho xếp loại lại về hạnh kiểm; nếu đạt loại trung bình thì được lên lớp.

Điều 18. Xét công nhận danh hiệu học sinh

1. Công nhận đạt danh hiệu học sinh giỏi học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực loại giỏi (học sinh khối 9).

Đối với học sinh khối 6-7-8: "*Học sinh Xuất sắc*" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt và có ít nhất 06 môn học được đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số có ĐTBmôn đạt từ 9,0 điểm trở lên và danh hiệu "*Học sinh Giỏi*" đối với những học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt. .

2. Công nhận đạt danh hiệu học sinh tiên tiến học kì hoặc cả năm học, nếu đạt hạnh kiểm từ loại khá trở lên và học lực từ loại khá trở lên (học sinh khối 8-9).

3. Học sinh đạt thành tích nổi bật hoặc có tiến bộ vượt bậc trong học tập, rèn luyện được Hiệu trưởng tặng giấy khen.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Điều 19. Trách nhiệm của giáo viên bộ môn

1. Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên; tham gia kiểm tra, đánh giá định kì theo phân công của hiệu trưởng; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh. Đối với hình thức kiểm tra, đánh giá bằng hỏi - đáp, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp; nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh thì phải thực hiện ngay sau đó.

2. Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kì, cả năm học và trực tiếp vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh, học bạ.

3. Tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm từng học kỳ, cả năm học của học sinh.

Điều 20. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm

1. *Kiểm tra sổ gọi tên và ghi điểm; Sổ Ghi đầu bài của lớp:* giúp hiệu trưởng theo dõi việc kiểm tra cho điểm, mức nhận xét theo quy định của Quy chế này.

2. *Tính điểm trung bình các môn học theo học kỳ, cả năm học:* xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn trong sổ gọi tên và ghi điểm, trong học bạ.

3. *Đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực từng học kỳ, cả năm học của học sinh:* lập danh sách học sinh đề nghị cho lên lớp, không được lên lớp; học sinh được công nhận là học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; học sinh phải kiểm tra lại các môn học, học sinh phải rèn luyện về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè.

4. *Tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì các môn học theo quy định tại Quy chế này;* kiểm tra, đánh giá lại các môn học theo quy định tại Điều 16 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè.

5. *Ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm và vào học bạ các nội dung sau đây:*

a) Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh;

b) Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp, công nhận học sinh giỏi, học sinh tiên tiến học kỳ, cả năm học, được lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè;

c) Nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện toàn diện của học sinh trong đó có học sinh có năng khiếu các môn học đánh giá bằng nhận xét.

6. Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

Điều 21. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Quản lý, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện và phổ biến đến gia đình học sinh các quy định của Quy chế này; vận dụng quy định của Quy chế này để đánh giá, xếp loại học sinh khuyết tật.

2. Kiểm tra việc thực hiện quy định về kiểm tra, cho điểm và đánh giá nhận xét của giáo viên. Hàng tháng ghi nhận xét và ký xác nhận vào sổ gọi tên và ghi điểm của các lớp.

3. Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại, ghi kết quả vào sổ gọi tên và ghi điểm, vào học bạ của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm; phê chuẩn việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên bộ môn khi đã có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm.

4. Tổ chức kiểm tra lại các môn học theo quy định tại Điều 16 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè.

5. Kiểm tra, yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện Quy chế này phải khắc phục ngay sai sót trong những việc sau đây:

a) Thực hiện chế độ kiểm tra cho điểm và mức nhận xét; ghi điểm và các mức nhận xét vào sổ gọi tên và ghi điểm, học bạ; xếp loại hạnh kiểm, học lực học sinh;

b) Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh.

6. Xét duyệt danh sách học sinh được lên lớp, không được lên lớp, danh hiệu thi đua, kiểm tra lại các môn học, rèn luyện hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh trong sổ gọi tên và ghi điểm và học bạ sau khi tất cả giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm đã ghi nội dung.

7. Quyết định xử lý theo thẩm quyền, đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm; quyết định khen thưởng theo thẩm quyền, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này.

8. Quản lý, chỉ đạo Cán bộ chủ chốt nhà trường xây dựng lại Quy chế kiểm tra đánh giá học sinh khi có các Văn bản hướng dẫn mới từ Sở GDĐT, Phòng GDĐT./.

